

Số: **4010** /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **06** tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc của Công ty TNHH August Sports, Công ty TNHH Nova Buildings Việt Nam, Công ty TNHH Onishi Việt Nam, Công ty TNHH Sáng Nghiệp, Công ty TNHH MTV Thiết bị chăn nuôi Long Cường do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 18015/TTr-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 952/TTr-LĐTBXH ngày 06 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc của Công ty TNHH August Sports, Công ty TNHH Nova Buildings Việt Nam, Công ty TNHH Onishi Việt Nam, Công ty TNHH Sáng Nghiệp, Công ty

TNHH MTV Thiết bị chăn nuôi Long Cường do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa, như sau:

1. Công ty TNHH August Sports, địa chỉ: Đường số 8, KCN Tam Phước, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, gồm 56 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với kinh phí hỗ trợ là 56.000.000 đồng, trong đó có 27 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (31 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 31.000.000 đồng và 01 người lao động đang mang thai với kinh phí hỗ trợ là 1.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 88.000.000 đồng (tám mươi tám triệu đồng chẵn).

2. Công ty TNHH Nova Buildings Việt Nam, địa chỉ: Số 11, đường 9A, KCN Biên Hòa II, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, gồm 05 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với kinh phí hỗ trợ là 5.000.000 đồng, trong đó có 02 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (02 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 2.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng chẵn).

3. Công ty TNHH Onishi Việt Nam, địa chỉ: Số C5-1, đường số 7, KCN Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, gồm 17 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với kinh phí hỗ trợ là 17.000.000 đồng, trong đó có 05 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (05 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 5.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng chẵn).

4. Công ty TNHH Sáng Nghiệp, địa chỉ: Số 247/5, khu phố 7, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, gồm 04 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với kinh phí hỗ trợ là 4.000.000 đồng, trong đó có 01 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (02 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 2.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng chẵn).

5. Công ty TNHH MTV Thiết bị chăn nuôi Long Cường, địa chỉ: Số 134/26/23, khu phố 13, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, gồm 04 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với kinh phí hỗ trợ là 4.000.000 đồng, trong đó có 03 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (03 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 3.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng chẵn).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định).

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.



Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH AUGUST SPORTS

(Kèm theo Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 10/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

- Tên người sử dụng lao động: Công Ty TNHH August Sports
3603522347
- Mã số thuế/đăng ký kinh doanh: Đường số 8, KCN Tam Phước, Phường Tam Phước, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
0481000854937 Ngân hàng Vietcombank - chi nhánh Biên Hòa
07500
- Địa chỉ:
- Tài khoản của người sử dụng lao động:
- Mã cơ quan BHXH: YN0149A
- Mã đơn vị:

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC

TT	Họ và tên	Phòng/Ban/phần việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ	Số CMND/thẻ căn cước công dân	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				
(1)	(2)*	(3)	(4)	(5)*	(6)*	(7)	(8)	(9)	(10)	
1	Nguyễn Thị Ngọc Yến	Phòng Tổng vụ	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	7712004859	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272180407		
2	Lê Quốc Khánh	Phòng Công vụ	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	7510166777	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	365523783		
3	Lê Thị Thắm	Phòng Tập vụ	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	7916103729	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	285175324		
4	Nguyễn Thị Yên Phi	Phòng nhân sự	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	7526988975	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272928231		
5	Trần Thị Thùy Trang	Phòng kế toán	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	7512197983	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272066444		
6	Lê Thị Thanh Thủy	Phòng Tổng vụ	Hợp đồng xác định thời hạn (12 tháng)	7516034128	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272202602		
7	Phạm Thị Thủy Nga	Phòng Kỹ thuật	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	7409189640	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272990915		

8	Nguyễn Thị Thanh	Phòng Kỹ thuật	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	7526877858	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272816573	
9	Nguyễn Thanh Nhân	Phòng Kỹ thuật	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	7715014866	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	183848192	
10	Võ Thị Phương Mai	Phòng Thí nghiệm	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	7722310027	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	273458416	
11	Nguyễn Thị Như Ngọc	Phòng Phát triển	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	7716036575	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	077194000666	
12	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Phòng thu mua	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	7716038750	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	273493908	
13	Hồ Thị Chính	Phòng Kho vật liệu	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	7716026580	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	174828309	
14	Tạ Thị Thu Hằng	Phòng Đánh giá thành	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	7523017592	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272486370	
15	Nguyễn Phúc	Phòng kỹ thuật Mặt giấy	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	7716011166	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	273474622	
16	Lê Thị Bích Ngọc	Phòng Phát triển	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	7526690403	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272318761	
17	Đặng Thị Hòa	Phòng Đánh giá thành	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	7514181886	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	197237301	
18	Nguyễn Thị Duyên	Phòng Phát triển	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	3821393835	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	038197002773	
19	Lý Thị Hà	Phòng Kho vật liệu	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	7511018478	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	276099832	
20	Trang Bảo Trán	Phòng Kho vật liệu	Hợp đồng xác định thời hạn (12 tháng)	7422302673	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272540321	
21	Nguyễn Trần Ý Ngân	Phòng kỹ thuật Mặt giấy	Hợp đồng xác định thời hạn (12 tháng)	7516032845	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272445416	
22	Võ Thị Hương	Phòng Đánh giá thành	Hợp đồng xác định thời hạn (12 tháng)	7514178596	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	276026273	
23	Trần Thị Ngọc Ánh	Phòng trợ lý	Hợp đồng xác định thời hạn (12 tháng)	7526853444	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272649284	
24	Nguyễn Văn Đáo	Phòng Thành hình	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	7911386396	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	371623683	
25	Vũ Thị Sinh	Phòng chất liệu	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	7510064268	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	276112335	

26	Nguyễn Thị Hương	Phòng Máy may	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	7508184721	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	372007831		
27	Nguyễn Thị Như Ý	Phòng chất liệu	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	7516195338	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	385762988		
28	Thị Thu	Phòng chất liệu	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	9122681147	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	371538726		
29	Nguyễn Hoàng Trần	Phòng In lụa	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	7513155189	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	385413208		
30	Nguyễn Thị Bích Thủy	Phòng chất liệu	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	9222963634	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	092196002050		
31	Hà Thị Tuyết	Phòng Ép cao tần	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	0203102641	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272750412		
32	Nguyễn Thị Hoài	Phòng chất liệu	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	7511128333	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	183868132		
33	Nguyễn Thị Nguyễn	Phòng Thành hình	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	7513006570	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	186272215		
34	Nguyễn Thị Huyền	Phòng Ép cao tần	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	7508139833	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272687105		
35	Nguyễn Thị Bích Tiên	Phòng Máy may	Hợp đồng xác định thời hạn (24 tháng)	9122850986	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	371906089		
36	Dương Ngọc Thủy Dung	Phòng chất liệu	Hợp đồng xác định thời hạn (12 tháng)	7515105274	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	191854814		
37	Lý Thị Sấm	Phòng Máy may	Hợp đồng xác định thời hạn (12 tháng)	1020550309	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	063361829		
38	Huỳnh Thị Ngọc Thương	Phòng Thành hình	Hợp đồng xác định thời hạn (12 tháng)	7510141825	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271429771		
39	Đinh Thị Nhiên	Phòng chất liệu	Hợp đồng xác định thời hạn (12 tháng)	9223032717	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	092300003378		
40	Phan Thị Linh Ca	Phòng Máy may	Hợp đồng xác định thời hạn (12 tháng)	7412125062	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	187811776		
41	Cao Thị Liên	Phòng Thành hình	Hợp đồng xác định thời hạn (12 tháng)	4705048699	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272850263		
42	Phạm Thị Kim Thủy	Phòng Máy may	Hợp đồng xác định thời hạn (12 tháng)	9124080757	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	371705903		
43	Nguyễn Lương Bằng	Phòng Sinh Quân	Hợp đồng xác định thời hạn (12 tháng)	6823118463	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	250000268		



44	Nguyễn Tấn An	Phòng Thành hình	Hợp đồng xác định thời hạn (12 tháng)	7516100073	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	341429684	
45	Phan Thị Mai	Phòng Máy máy	Hợp đồng xác định thời hạn (12 tháng)	0116184753	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	191818273	
46	Huỳnh Thị Nhung	Phòng Máy máy	Hợp đồng xác định thời hạn (12 tháng)	9423297597	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	365961769	
47	Bạch Ý Nguyễn	Phòng Máy máy	Hợp đồng xác định thời hạn (12 tháng)	7513155961	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	381678409	
48	Nguyễn Thị Chăm	Phòng Máy máy	Hợp đồng xác định thời hạn (12 tháng)	9522078387	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	385832227	
49	Trần Thị Ngọc Quyền	Phòng Máy máy	Hợp đồng xác định thời hạn (12 tháng)	8924756321	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	352182968	
50	Trần Thanh Phú	Phòng Máy máy	Hợp đồng xác định thời hạn (12 tháng)	9622340730	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	381766573	
51	Nguyễn Hữu Nghĩa	Phòng Máy máy	Hợp đồng xác định thời hạn (12 tháng)	7514161342	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	371759014	
52	Đỗ Thị Ngọc Mai	Phòng Máy máy	Hợp đồng xác định thời hạn (12 tháng)	7422516965	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	281129208	
53	Nguyễn Văn Tám	Phòng Máy máy	Hợp đồng xác định thời hạn (12 tháng)	9122135986	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	371651407	
54	Nguyễn Văn Anh	Phòng Máy máy	Hợp đồng xác định thời hạn (12 tháng)	9122211886	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	371213049	
55	Thái Trương Vui	Phòng Thành hình	Hợp đồng xác định thời hạn (12 tháng)	9124110961	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	371777544	
56	Phan Quốc Khôi	Phòng Máy máy	Hợp đồng xác định thời hạn (12 tháng)	7022503974	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000	285845963	
Cộng 56 Lao động								56.000.000	

III. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC VÀ DANG MANG THAI

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Số tiền hỗ trợ	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	Đặng Thị Hòa	17	1.000.000	197237301		
	Cộng 01 Lao động mang thai		1.000.000			



IV. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC VÀ ĐANG NUÔI CON ĐỂ HOẶC CON NUÔI HOẶC CHĂM SÓC THAY THẾ TRẺ EM

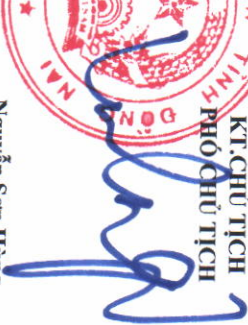
TT	Họ và Tên	Thứ tự tại mục II	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng (ở cột)	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng				
1	2	3	4	5	6	7	8	10	11	
1	Nguyễn Thị Ngọc Yên	1	Nguyễn Hoàng Duy Lâm	08-05-17	Nguyễn Đình Quang	273286908	1.000.000	272180407		
2	Lê Quốc Khánh	2	Lê Quốc Khánh Hoàng	26-11-18	Vũ Thị Cục	272871173	1.000.000	365523783		
3	Trần Thị Thùy Trang	5	Trần Ngọc Thảo Ly	14-02-19	Trần Quốc Trinh	362283953	1.000.000	272066444		
4	Lê Thị Thanh Thủy	6	Lê Anh Khôi	25-04-20	Lê Trung Nghĩa	272043155	1.000.000	272202602		
5	Lê Thị Thanh Thủy	6	Lê Anh Khoa	29-07-18	Lê Trung Nghĩa	272043155	1.000.000	272202602		
6	Phạm Thị Thủy Nga	7	Nguyễn Doãn Minh Quang	30-01-16	Nguyễn Doãn Hải	183457440	1.000.000	272990915		
7	Hồ Thị Chính	13	Nguyễn Tùng Chi	27-03-20	Nguyễn Bá Huân	172375804	1.000.000	174828309		
8	Đặng Thị Hòa	17	Nguyễn Đăng Ngọc Nhi	30-10-18	Nguyễn Văn Duy	272371977	1.000.000	197237301		
9	Lý Thị Hà	19	Nguyễn Quang Khôi	19-02-19	Nguyễn Văn Cường	183852080	1.000.000	276099832		
10	Trang Bảo Trân	20	Trang Minh Cường	03-02-20			1.000.000	272540321		
11	Võ Thị Hương	22	Phạm Khánh Huyền	12-04-19	Phạm Xuân Hương	272678184	1.000.000	276026273		
12	Võ Thị Hương	22	Phạm Bình Nguyễn	07-06-16	Phạm Xuân Hương	272678184	1.000.000	276026273		
13	Nguyễn Văn Đào	24	Nguyễn Minh Đăng	09-02-16	Huỳnh Thị Phúc	371503101	1.000.000	371623683		

14	Nguyễn Thị Như Ý	27	Nguyễn Minh Cường	16-05-20	Nguyễn Minh Trí	381980254	1.000.000	385762988	
15	Thị Thu	28	Lâm Khả Như	07-05-16	Lâm Minh Giữ	371251807	1.000.000	371538726	
16	Thị Thu	28	Lâm Bình An	20-07-20	Lâm Minh Giữ	371251807	1.000.000	371538726	
17	Nguyễn Thị Bích Thủy	30	Phạm Phú Quý	21-01-17	Phạm Trường Sơn	362436757	1.000.000	92196002050	
18	Hà Thị Tuyết	31	Hà Tuấn Kiệt	20-07-17	Hà Văn Hòa	272750413	1.000.000	272750412	
19	Nguyễn Thị Hoài	32	Hoàng Minh Phúc	02-12-16	Hoàng Long Vũ	173309341	1.000.000	183868132	
20	Nguyễn Thị Nguyên	33	Trần Thị Thu Thảo	06-10-15	Trần Văn Trung	186137910	1.000.000	186272215	
21	Nguyễn Thị Huyền	34	Phan Bảo An	21-11-17	Phan Văn Thịnh	272687103	1.000.000	272687105	
22	Nguyễn Thị Bích Tiền	35	Phan Thiên Di	05-04-18	Phan Trung Dương	371819661	1.000.000	371906089	
23	Lý Thị Sấm	37	Phan Văn Duy	04-10-15	Phan Văn Hưng	183762039	1.000.000	63361829	
24	Lý Thị Sấm	37	Phan Văn Nhân	17-01-17	Phan Văn Hưng	183762039	1.000.000	63361829	
25	Cao Thị Liên	41	Trịnh Quỳnh Thy	12-07-17	Trịnh Hữu Tuấn	172244452	1.000.000	272850263	
26	Phạm Thị Kim Thúy	42	Đỗ Thiên An	14-03-17	Đỗ Minh Hòa	92094000359	1.000.000	371705903	
27	Nguyễn Tấn An	44	Nguyễn Ngọc Anh Đào	03-10-19	Phó Thị Cẩm Tú	91192000472	1.000.000	341429684	
28	Nguyễn Tấn An	44	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	13-07-17	Phó Thị Cẩm Tú	91192000472	1.000.000	341429684	
29	Bạch Ý Nguyễn	47	Bạch Thiên Kim	23-03-20			1.000.000	381678409	
30	Bạch Ý Nguyễn	47	Bạch Yến Nhi	31-10-15			1.000.000	381678409	



31	Trần Thị Ngọc Quyên	49	Trần Thị Minh Thư	24-03-20			1.000.000	352182968		
	Cộng 31 trẻ em						31.000.000			
	Cộng (II + III + IV)						88.000.000			

Tổng số tiền hỗ trợ: 88.000.000 đồng
(Tám mươi tám triệu đồng chẵn)


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH NOVA BUILDINGS VN

(Kèm theo Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

1. Tên người sử dụng lao động: CÔNG TY TNHH NOVA BUILDINGS VN
2. Mã số thuế/dăng ký kinh doanh: 3603574112
3. Địa chỉ: số 11, đường 9A, KCN Biên Hòa 2, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa
4. Tài khoản của người sử dụng lao động: 1023368825
5. Mã cơ quan BHXH: 07500
6. Mã đơn vị: TA4603A
- United Overseas Bank (Vietnam) Limited

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC

TT	Họ và tên	Phòng/ban/phần xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ	Số CMND/thẻ căn cước công dân	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				
(1)	(2)*	(3)	(4)	(5)*	(6)*	(7)	(8)	(9)	(10)	
1	Phạm Thị Ánh	Tổ Cắt	1 năm	7512041358	21/07/2021	08/09/2021	1.000.000	024193000518		
2	Hoàng Thế Vinh	Tổ Cắt	1 năm	0203206856	12/07/2021	08/09/2021	1.000.000	272582259		
3	Nguyễn Phạm Minh Thái	Tổ Cắt	1 năm	4703041726	19/07/2021	08/09/2021	1.000.000	272616164		
4	Nguyễn Thanh Tâm	Tổ Sơn	1 năm	0203117679	05/07/2021	08/09/2021	1.000.000	060078000249		
5	Lương Hải Triều	Hành Chính Nhân Sự	1 năm	7915041007	21/07/2021	08/09/2021	1.000.000	272126988		
Tổng cộng 05 Lao động							5.000.000			

III. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC VÀ ĐANG NUÔI CON ĐỂ HOẶC CON NUÔI HOẶC CHĂM SÓC THAY THẾ TRẺ EM

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng (ở cột 2)	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng				
1	2	3	4	5	6	7	8	10	11	
1	Phạm Thị Ánh	1	Trịnh Công Vinh	30/07/2018	Trịnh Đức Thành	038090019859	1.000.000	24193000518		
2	Lương Hải Triều	5	Lương Hải Đăng	08-11-18	Nguyễn Thị Bích Nga	272127991	1.000.000	272126988		
			Cộng 02 trẻ em				2.000.000			
			Cộng (II + III)				7.000.000			

Tổng số tiền hỗ trợ: 7.000.000 đồng
(Bảy triệu đồng chẵn)



Nguyễn Sinh Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH ONISHI VIỆT NAM

(Kèm theo Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

- Tên người sử dụng lao động: CÔNG TY TNHH ONISHI VIỆT NAM
- Mã số thuế/dăng ký kinh doanh: 3602552652
- Địa chỉ: C5-1, đường số 7, KCN Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai
- Tài khoản của người sử dụng lao động: 0481000637389
- Mã cơ quan BHXH: 07500
- Mã đơn vị: YN0704Z

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC

TT	Họ và tên	Phòng/ban/phần xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ	Số CMND/thẻ căn cước công dân	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				
(1)	(2)*	(3)	(4)	(5)*	(6)*	(7)	(8)	(9)	(10)	
1	Cao Quang Lạc	Sản xuất	Xác định thời hạn	7523715310	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	272144136		
2	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Sản xuất	Không xác định thời hạn	4705028639	11/07/2021	15/09/2021	1.000.000	183259407		
3	Võ Thị Ngọc	Sản xuất	Xác định thời hạn	7514053319	24/07/2021	15/09/2021	1.000.000	184247891		
4	Bùi Thị Đoan Trang	Sản xuất	Không xác định thời hạn	7508197978	19/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272114696		
5	Đỗ Công Văn	Sản xuất	Xác định thời hạn	8924175536	24/07/2021	15/09/2021	1.000.000	352632334		
6	Nguyễn Thị Nga	Sản xuất	Xác định thời hạn	4706062210	11/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272203133		
7	Trần Đình Nhật	Sản xuất	Xác định thời hạn	7523253943	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	272854430		
8	Hà Văn Bốn	Sản xuất	Xác định thời hạn	3821959337	15/07/2021	15/09/2021	1.000.000	174793966		

9	Nguyễn Thu Hằng	Sản xuất	Xác định thời hạn	2509006151	24/07/2021	15/09/2021	1.000.000	132014686	
10	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	Sản xuất	Xác định thời hạn	4707166243	11/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271970863	
11	Trần Trường An	Sản xuất	Không xác định thời hạn	4706051058	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271826323	
12	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Sản xuất	Xác định thời hạn	7516198935	24/07/2021	15/09/2021	1.000.000	261505505	
13	Dương Văn Hùng	Sản xuất	Xác định thời hạn	7508063174	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	121974686	
14	Trần Thị Muội	Sản xuất	Xác định thời hạn	7515060612	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	370890304	
15	Nguyễn Thị Quý	Sản xuất	Không xác định thời hạn	7511158373	16/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272805115	
16	Lê Thị Nhung	Sản xuất	Xác định thời hạn	7511211805	15/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271708181	
17	Bùi Thị Hào	Sản xuất	Không xác định thời hạn	7512018700	11/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272783087	
Cộng 17 Lao động							17.000.000		

III. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC VÀ ĐANG NUÔI CON ĐỂ HOẶC CON NUÔI HOẶC CHĂM SÓC THAY THẾ TRẺ EM

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng (ở cột 2)	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng				
1	2	3	4	5	6	7	8	10	11	
1	Võ Thị Ngọc	3	Nguyễn Thị Như Ý	30/11/2016	Nguyễn Hữu Hùng	38091020048	1.000.000	184247891		
2	Bùi Thị Đoàn Trang	4	Nguyễn Hiền Nhi	09/02/2019	Nguyễn Tuấn Anh	24665097	1.000.000	272114696		
3	Dương Văn Hùng	13	Dương Cát Nha Phương	10/10/2017	Nguyễn Thị Oanh	186958344	1.000.000	121974686		
4	Trần Thị Muội	14	Trịnh Tường Vy	04/08/2018	Trịnh Đức Trọng	363668227	1.000.000	370890304		

5	Nguyễn Thị Quý	15	Nguyễn Phương Tuệ Nhi	27/05/2017	Nguyễn Sĩ Nam	272804569	1.000.000	272805115		
	Cộng 05 trẻ em						5.000.000			
	Cộng (II + III)						22.000.000			

Tổng số tiền hỗ trợ: 22.000.000 đồng
(Hai mươi hai triệu đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Nguyễn Sơn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH SÁNG NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

1. Tên người sử dụng lao động: Công Ty TNHH Sáng Nghiệp
2. Mã số thuế/dăng ký kinh doanh: 3600999565
3. Địa chỉ: 247/5, Kp 7, Phường Tân Tiến, Biên Hòa, Đồng Nai
4. Tài khoản của người sử dụng lao động: 12100000888555
5. Mã cơ quan BHXH: 07500 Ngân hàng Seabank - CN Đồng Nai
6. Mã đơn vị: TA1398A

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC

TT	Họ và tên	Phòng/ban/phần xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ	Số CMND/thẻ căn cước công dân	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				
(1)	(2)*	(3)	(4)	(5)*	(6)*	7)	(8)	(9)	(10)	
1	Nguyễn Thanh Nhã Phương	NV VP	Không xác định thời hạn	8910003400	16/07/2021	15/09/2021	1.000.000	351451247		
2	Cao Minh Vàng	NV Thiết kế	Không xác định thời hạn	7516098343	16/07/2021	15/09/2021	1.000.000	215243944		
3	Trần Thị Minh Nghĩa	kế toán	Không xác định thời hạn	7511161201	16/07/2021	15/09/2021	1.000.000	271160085		
4	Trần Văn Đình	hội trường thi còt	Không xác định thời hạn	7512178435	16/07/2021	15/09/2021	1.000.000	272355587		
Tổng cộng							4.000.000			

III. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC VÀ ĐANG NUÔI CON ĐỂ HOẶC CON NUÔI HOẶC CHĂM SÓC THAY THẾ TRẺ EM

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng (ở cột 2)	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng				
1	2	3	4	5	6	7	8	10	11	
1	Nguyễn Thanh Nhã Phương	1	Phạm Nguyễn Nhã Thanh	13/12/2015	'Phạm Quốc Trung	351384931	1.000.000	351451247		
2	Nguyễn Thanh Nhã Phương	1	Nguyễn Phạm Trung Nhân	31/08/2020	'Phạm Quốc Trung	351384931	1.000.000	351451247		
			Cộng 02 trẻ em				2.000.000			
			Cộng (II+III)				6.000.000			

Tổng số tiền hỗ trợ: 6.000.000 đồng
(Sáu triệu đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19
CỦA CÔNG TY TNHH MTV THIẾT BỊ CHĂN NUÔI LONG CƯỜNG PHÁT
(Kèm theo Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

1. Tên người sử dụng lao động: Công ty TNHH MTV Thiết Bị Chăn Nuôi Long Cường Phát
2. Mã số thuế/dăng ký kinh doanh: 3603673064
3. Địa chỉ: 134/26/23, Khu phố 13, Phường Hố Nai, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
4. Tài khoản của người sử dụng lao động: 0121000900044 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai
5. Mã cơ quan BHXH: 07500
6. Mã đơn vị: TA6178A

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC

TT	Họ và tên	Phòng/ban/phần xưởng/làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ	Số CMND/thẻ căn cước công dân	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm				
(1)	(2)*	(3)	(4)	(5)*	(6)*	(7)	(8)	(9)	(10)	
1	Vũ Đình Cường	Bán hàng	Dài hạn	7515109510	02/08/2021	15/9/2021	1.000.000	272577896		
2	Vũ Thị Vân	Kế toán	Dài hạn	7508180295	02/08/2021	15/9/2021	1.000.000	272760607		
3	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Kho	Dài hạn	7909430264	02/08/2021	15/9/2021	1.000.000	079188012018		
4	Nguyễn Xuân Linh	Bán hàng	Dài hạn	7516191719	02/08/2021	15/9/2021	1.000.000	025673374		
Tổng 04 lao động							4.000.000			

